**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**Thủ tục kiểm soát thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước**

**Số quyết định:** 230/QĐ-BTC

**Tên thủ tục:** Thủ tục kiểm soát thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước

**Cấp thực hiện:** Cấp TW, cấp tỉnh, cấp huyện

**Loại thủ tục:** TTHC đặc thù

**Lĩnh vực:**  Kho bạc

*(1) Tên TTHC*: Thủ tục kiểm soát, thanh toán chi phí quản lý dự án đầu tư của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước qua KBNN.

*(2) Trình tự thực hiện:*

a) Trường hợp giao dịch trực tiếp tại KBNN:

- Chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng lập và gửi hồ sơ tới KBNN nơi giao dịch.

- KBNN tiếp nhận, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ và các điều kiện chi theo chế độ quy định. Trường hợp kiểm soát khoản chi đảm bảo theo đúng chế độ quy định, KBNN làm thủ tục thanh toán cho đối tượng thụ hưởng theo đề nghị của chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng; đồng thời, gửi đơn vị 01 liên chứng từ giấy (chứng từ báo Nợ) để xác nhận đã thực hiện thanh toán. Trường hợp kiểm soát khoản chi không đảm bảo đúng chế độ quy định, KBNN lập thông báo từ chối thanh toán khoản chi ngân sách nhà nước (trong đó nêu rõ lý do từ chối) bằng văn bản giấy gửi đơn vị.

b) Trường hợp thực hiện qua Trang thông tin dịch vụ công của KBNN:

- Chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng lập và gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của KBNN.

- KBNN tiếp nhận, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ và các điều kiện chi theo chế độ quy định. Trường hợp kiểm soát khoản chi đảm bảo theo đúng chế độ quy định, KBNN làm thủ tục thanh toán cho đối tượng thụ hưởng và gửi 01 liên chứng từ báo Nợ cho đơn vị để xác nhận đã thực hiện thanh toán. Trường hợp kiểm soát khoản chi không đảm bảo đúng chế độ quy định, KBNN gửi thông báo từ chối thanh toán khoản chi ngân sách nhà nước (trong đó nêu rõ lý do từ chối) cho đơn vị qua Trang thông tin dịch vụ công của KBNN.

- Đối với các khoản chi được thực hiện theo hình thức thanh toán trước, kiểm soát sau trong các trường hợp nêu tại điểm a và b phần này, thì KBNN tiếp nhận hồ sơ và làm thủ tục thanh toán cho đối tượng thụ hưởng trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hợp pháp; đồng thời, gửi 01 liên chứng từ báo Nợ cho đơn vị để xác nhận đã thực hiện thanh toán. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán, KBNN thực hiện kiểm soát hồ sơ theo chế độ quy định. Trường hợp kiểm soát khoản chi không đảm bảo đúng chế độ quy định, KBNN gửi thông báo kết quả kiểm soát chi cho đơn vị (trong đó, nêu rõ lý do từ chối thanh toán); sau đó, xử lý thu hồi giảm trừ giá trị thanh toán vào lần thanh toán liền kề tiếp theo. Trường hợp lần thanh toán liền kề tiếp theo không đủ khối lượng công việc hoàn thành hoặc kế hoạch vốn để giảm trừ thì KBNN có văn bản yêu cầu đơn vị thực hiện thu hồi giảm chi ngân sách nhà nước (trường hợp chưa quyết toán ngân sách), thực hiện nộp ngân sách nhà nước (đối với trường hợp đã quyết toán ngân sách).

*(3) Cách thức thực hiện*: Gửi hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại trụ sở KBNN hoặc gửi hồ sơ và nhận kết quả qua Trang thông tin dịch vụ công của KBNN trong trường hợp đơn vị có tham gia giao dịch điện tử với KBNN (đơn vị truy cập và thực hiện theo hướng dẫn trên Trang thông tin dịch vụ công của KBNN).

*(4) Thành phần, số lượng hồ sơ:*

*(4.1) Thành phần hồ sơ*

a) Thành phần hồ sơ gửi lần đầu khi giao dịch với KBNN hoặc khi có phát sinh, điều chỉnh, bổ sung:

a1) Đối với dự án, công tác chuẩn bị đầu tư, hồ sơ bao gồm: Kế hoạch vốn đầu tư năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết định cho phép chuẩn bị đầu tư; dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư hoặc dự toán từng hạng mục công việc thuộc công tác chuẩn bị đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hợp đồng; văn bản giao việc hoặc hợp đồng giao khoán nội bộ (đối với trường hợp tự thực hiện).

a2) Đối với công tác thực hiện dự án, hồ sơ bao gồm:

- Kế hoạch vốn đầu tư năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền và các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có); văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép tự thực hiện (trường hợp chưa có trong quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền); hợp đồng, thỏa thuận liên doanh (trường hợp hợp đồng liên doanh mà các thỏa thuận liên doanh không quy định trong hợp đồng); văn bản giao việc hoặc hợp đồng giao khoán nội bộ (đối với trường hợp tự thực hiện); dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của cấp có thẩm quyền đối với từng công việc, hạng mục công trình, công trình đối với trường hợp chỉ định thầu hoặc tự thực hiện và các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng (trừ dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật). Riêng đối với công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư phải kèm dự toán chi phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt và dự toán chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt và phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với hợp đồng thi công xây dựng có giải phóng mặt bằng, đơn vị gửi kế hoạch giải phóng mặt bằng hoặc biên bản bàn giao mặt bằng (một phần hoặc toàn bộ) theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Thành phần hồ sơ tạm ứng (gửi theo từng lần đề nghị tạm ứng), bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; chứng từ chuyển tiền; văn bản bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (đối với trường hợp phải có bảo lãnh tạm ứng).

c) Thành phần hồ sơ thanh toán (gửi theo từng lần đề nghị thanh toán):

c1) Đối với thanh toán khối lượng công việc hoàn thành (bao gồm cả các công việc thực hiện thông qua hợp đồng và không thông qua hợp đồng), hồ sơ bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; chứng từ chuyển tiền; giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (đối với trường hợp thanh toán tạm ứng); bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành.

+ Đối với chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, hồ sơ bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; chứng từ chuyển tiền; giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (đối với trường hợp thanh toán tạm ứng); bảng xác nhận giá trị khối lượng công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện; hợp đồng và biên bản bàn giao nhà (trường hợp mua nhà phục vụ di dân, giải phóng mặt bằng).

+ Đối với chi phí cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, hồ sơ bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; chứng từ chuyển tiền; giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (đối với trường hợp thanh toán tạm ứng).

c2) Đối với công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư phải xây dựng các công trình (bao gồm cả xây dựng nhà di dân giải phóng mặt bằng): Thực hiện theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Tiết c1, c3 và c4 Điểm c Mục này.

c3) Đối với dự án đã hoàn thành được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt quyết toán, nhưng chưa được thanh toán đủ vốn theo giá trị phê duyệt quyết toán, hồ sơ thanh toán bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; quyết định phê duyệt quyết toán; chứng từ chuyển tiền.

c4) Trường hợp thanh toán các hợp đồng bảo hiểm và hợp đồng kiểm toán, hồ sơ bao gồm: Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; chứng từ chuyển tiền.

d) Thành phần hồ sơ đối với các dự án đầu tư thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại Điểm a,b và c Mục này. Riêng thành phần hồ sơ pháp lý đối với dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia có quy mô nhỏ, kỹ thuật không phức tạp, Nhà nước hỗ trợ đầu tư một phần, phần còn lại do nhân dân đóng góp (gọi tắt là dự án nhóm C quy mô nhỏ), hồ sơ bao gồm: Kế hoạch vốn đầu tư năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt; văn bản phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư của cấp có thẩm quyền kèm theo dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư (đối với dự án (công tác) chuẩn bị đầu tư); quyết định phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình của Ủy ban nhân dân xã kèm theo hồ sơ xây dựng công trình (đối với công tác thực hiện dự án); hợp đồng.

đ) Thành phần hồ sơ pháp lý, tạm ứng, thanh toán của công trình xây dựng đặc thù:

- Đối với công trình bí mật: Kế hoạch vốn đầu tư năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt; giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; chứng từ chuyển tiền; giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư (đối với trường hợp thanh toán tạm ứng).

- Đối với công trình thực hiện theo lệnh khẩn cấp, có tính cấp bách, công trình xây dựng tạm:

+ Hồ sơ tạm ứng bao gồm: Lệnh khẩn cấp hoặc quyết định tình huống khẩn cấp của cấp có thẩm quyền; quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền và các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có); giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; chứng từ chuyển tiền; văn bản bảo lãnh tạm ứng (đối với trường hợp phải có bảo lãnh tạm ứng).

+ Hồ sơ thanh toán: Hợp đồng, thỏa thuận liên doanh (trường hợp hợp đồng liên doanh mà các thỏa thuận liên doanh không quy định trong hợp đồng) hoặc văn bản giao việc (đối với trường hợp tự thực hiện và không có hợp đồng) và các hồ sơ theo quy định tại Điểm a và c Mục này (trừ hồ sơ đơn vị đã gửi khi tạm ứng).

e) Thành phần hồ sơ đối với các khoản chi từ tài khoản tiền gửi của các đơn vị giao dịch: hồ sơ thực hiện theo quy định tại Điểm a,b và c Mục này.

Trường hợp chi từ tài khoản tiền gửi mà KBNN không phải kiểm soát, hồ sơ bao gồm: Chứng từ chuyển tiền.

f) Thành phần hồ sơ đối với trường hợp ủy thác quản lý dự án, hồ sơ bao gồm: Hợp đồng ủy thác và hồ sơ quy định tại Điểm a,b và c Mục này.

*(4.2) Số lượng hồ sơ*:

Số lượng của từng thành phần hồ sơ quy định tại Điểm a,b,c,d,đ,e và f Mục (4.1) là 01 bản (bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y bản chính). Riêng chứng từ chuyển tiền là 02 bản gốc (trường hợp thực hiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng hoặc trường hợp đơn vị giao dịch và nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ cùng mở tài khoản tại một đơn vị KBNN thì bổ sung thêm 01 bản gốc tương ứng với mỗi trường hợp); giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư và giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư là 02 bản gốc.

Đối với trường hợp gửi hồ sơ qua Trang thông tin dịch vụ công của KBNN, các thành phần hồ sơ phải được ký chữ ký số theo quy định.

*(5) Thời hạn giải quyết*:

a) Đối với các khoản tạm ứng: Trong vòng 01 ngày làm việc, kể từ khi KBNN nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hợp pháp của chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng.

b) Đối với các khoản thanh toán: Chậm nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày KBNN nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hợp pháp của chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng.

c) Đối với các khoản chi thực hiện theo hình thức thanh toán trước, kiểm soát sau: Trong vòng 01 ngày làm việc, kể từ khi KBNN nhận đủ hồ sơ hợp lệ, hợp pháp của chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng.

*(6) Đối tượng thực hiện*: Các chủ đầu tư hoặc ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

*(7) Cơ quan giải quyết*: KBNN (TW, cấp tỉnh, cấp huyện).

*(8) Kết quả thực hiện*:

a) Trường hợp KBNN chấp thuận đề nghị thanh toán, tạm ứng: Xác nhận của KBNN trực tiếp trên giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư, chứng từ chuyển tiền. Trường hợp chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng có tham gia giao dịch điện tử với KBNN, KBNN gửi chứng từ báo Nợ cho đơn vị qua Trang thông tin dịch vụ công của KBNN để xác nhận đã thực hiện thanh toán, tạm ứng.

b) Trường hợp KBNN từ chối đề nghị thanh toán, tạm ứng: KBNN thông báo từ chối chấp thuận thanh toán, tạm ứng của chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng (bằng văn bản giấy hoặc qua Trang thông tin dịch vụ công của KBNN).

*(9) Mẫu tờ khai:*

Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư; chứng từ chuyển tiền; giấy đề nghị thanh toán tạm ứng vốn đầu tư; bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành và bảng xác nhận giá trị khối lượng công việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện được quy định tương ứng theo các Mẫu số 11, 16b1, 16b2, 05c, 08b, 12, 16c1, 16c2, 16c3, 16c4 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 11/2020/NĐ-CP.

*(10) Phí, lệ phí*: Không

*(11) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC*: Không

*(12) Căn cứ pháp lý:* Nghị định số 11/2020/NĐ-CP

*Ghi chú:* những bộ phận bị thay thế gồm: Tên TTHC; trình tự thực hiện; cách thức thực hiện; thành phần, số lượng hồ sơ; thời hạn giải quyết; kết quả thực hiện, mẫu tờ khai.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Không ghi vào khu vực này |  | **Mẫu số 05c Ký hiệu: C3-02/NS** Số:…… Năm NS:…. |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN TẠM ỨNG VỐN ĐẦU TƯ**

**Tạm ứng sang thực chi □ Ứng trước chưa đủ ĐKTT sang ứng trước đủ ĐKTT □**

Tên dự án: ………………………………………………………………………………………………….

Chủ đầu tư:……………………………………… Mã ĐVQHNS:……………………………………….

Tài khoản:……………………………………….. Tại KBNN: …………………………………………..

Tên CTMT, DA: …………………………………………………………………………………………..

……………….Mã CTMT, DA:……………………… Số CKC, HĐTH ……………………………….

Căn cứ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư số:………………………………… ngày …../…../…..

Và số dư tạm ứng/ứng trước kinh phí đầu tư của dự án: ……………………………………………

Đề nghị Kho bạc Nhà nước …………………..….. thanh toán số tiền đã Tạm ứng □/Ứng trước chưa đủ ĐKTT □ thành Thực chi □/Ứng trước đủ ĐKTT □ theo chi tiết sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mã NDKT** | **Mã chương** | **Mã ngành KT** | **Mã nguồn NSNN** | **Năm KHV** | **Số dư tạm ứng/ứng trước** | **Số đề nghị thanh toán** | **Số KBNN duyệt thanh toán** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng:** | | | | | |  |  |  |

Tổng số tiền ghi bằng chữ: ………………………………………………………………………………..

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Kế toán trưởng** *(Ký, ghi họ tên)* | | *Ngày….tháng….năm….* **Thủ trưởng đơn vị** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)* | | |
|  | | | | |
| **PHẦN DÀNH KHO BẠC NHÀ NƯỚC GHI**  Số tiền ghi bằng chữ: ……………………………………………………….  ………………………………………………………………………………… | | | |  |
| **PHẦN KBNN GHI** |
| Nợ TK:…………………  Có TK:………………….  Mã ĐBHC………………. |
| *Ngày….tháng….năm….* | | | | |
| **Kế toán** | **Kế toán trưởng** | | **Giám đốc** | |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Mẫu số 08a** Mã hiệu: …………..... Số: …………………... |

**BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH**

*(Áp dụng đối với các khoản chi thường xuyên, chi sự nghiệp có tính chất thường xuyên, chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu sử dụng kinh phí sự nghiệp)*

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: ……………………………………………………………………………

2. Mã đơn vị: …………………………………. Mã nguồn: ………………………………………………

3. Mã CTMTQG, Dự án ODA ...:…………………………………………………………………………

4. Căn cứ Hợp đồng số ………......... ký ngày …………tháng………..năm…………. và phụ lục hợp đồng số…………ngày………tháng……….năm ………. giữa tên (đơn vị sử dụng ngân sách) và (nhà cung cấp hàng hóa dịch vụ); giá trị hợp đồng và các phụ lục hợp đồng đã ký:

5. Căn cứ Biên bản nghiệm thu ngày tháng năm giữa (đơn vị sử dụng ngân sách) và (nhà cung cấp hàng hóa dịch vụ):

*Đơn vị: Đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | | **Đơn giá** | **Thành tiền** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | | **(5)** | **(6)** |
|  |  |  |  | |  |  |
|  |  |  |  | |  |  |
| Tổng số | | | |  | |  |

6. Lũy kế thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:

- Thanh toán tạm ứng:………………………………. - Thanh toán trực tiếp:………………………….

7. Số dư tạm ứng đến cuối kỳ trước: …………………………………………………………………….

8. Số đề nghị thanh toán kỳ này: …………………………………………………………………………

- Thanh toán tạm ứng:………………………………. - Thanh toán trực tiếp: …………………………

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN NHÀ CUNG CẤP HÀNG HÓA, DỊCH VỤ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | *Ngày…..tháng…..năm…..* **ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Mẫu số 08b** Mã hiệu: …………..... Số: …………………... |

**BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH**

*(Áp dụng đối với các khoản thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn ngoài nước)*

THEO HỢP ĐỒNG BAN ĐẦU □ NGOÀI HỢP ĐỒNG BAN ĐẦU □

Tên dự án: Mã dự án:

Tên gói thầu:

Căn cứ hợp đồng số: ……… ngày...tháng...năm……………… phụ lục bổ sung hợp đồng số: …….. ngày.... tháng…. năm …………………..

Chủ đầu tư

Nhà thầu

Thanh toán lần thứ:

Căn cứ xác định:

Biên bản nghiệm thu số ………. ngày…….tháng…….năm ……

*Đơn vị: Đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Tên công việc** | **Đơn vị tính** | **Khối lượng** | | | | | **Đơn giá thanh toán** | | **Thành tiền (đồng)** | | | | | **Ghi chú** |
| **Tổng số** | | **Thực hiện** | | | **Tổng số** | | **Thực hiện** | | |
| **Khối lượng theo hợp đồng ban đầu** | **Khối lượng phát sinh so với hợp đồng ban đầu** | **Lũy kế đến hết kỳ trước** | **Thực hiện kỳ này** | **Lũy kế đến hết kỳ này** | **Theo hợp đồng** | **Đơn giá bổ sung (nếu có)** | **Theo hợp đồng ban đầu** | **Phát sinh so với hợp đồng ban đầu** | **Lũy kế đến hết kỳ trước** | **Thực hiện kỳ này** | **Lũy kế đến hết kỳ này** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng số:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

1. Giá trị hợp đồng ban đầu/Tổng giá trị khối lượng phát sinh so với hợp đồng ban đầu:

2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:

3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:

4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:

5. Thanh toán để thu hồi tạm ứng:

6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này:

Số tiền bằng chữ:………………………………………………. (là số tiền đề nghị thanh toán kỳ này)

7. Lũy kế giá trị thanh toán:

|  |  |
| --- | --- |
| **Đại diện nhà thầu***(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)* | *Ngày….tháng….năm 20…* **Đại diện chủ đầu tư/ban quản lý dự án chuyên ngành/ban quản lý dự án khu vực** *(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)* |

**HƯỚNG DẪN CÁCH GHI MẪU 08B**

1. Giá trị hợp đồng: Là giá trị mà chủ đầu tư và nhà thầu đã ký kết theo quy định của pháp luật.

2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước: Là số tiền mà chủ đầu tư đã tạm ứng cho nhà thầu theo điều khoản của hợp đồng cho nhà thầu chưa được thu hồi đến cuối kỳ trước.

3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước: Là số tiền mà chủ đầu tư đã thanh toán cho nhà thầu phần giá trị khối lượng đã hoàn thành đến cuối kỳ trước (không bao gồm số tiền đã tạm ứng).

4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này: Là lũy kế giá trị khối lượng thực hiện theo hợp đồng đến cuối kỳ trước cộng với giá trị khối lượng thực hiện theo hợp đồng trong kỳ phù hợp với biên bản nghiệm thu đề nghị thanh toán. *Trường hợp không đủ kế hoạch vốn để thanh toán hết giá trị khối lượng đã được nghiệm thu ghi trong Bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành, thì sẽ chuyển sang kỳ sau thanh toán tiếp, không phải lập lại Bảng xác định giá trị khối lượng hoàn thành mà chỉ lập giấy đề nghị thanh toán.*

5. Thanh toán thu hồi tạm ứng: là số tiền mà chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất thanh toán để thu hồi một phần hay toàn bộ số tiền tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước (khoản 2 nêu trên) theo điều khoản thanh toán của hợp đồng đã ký kết (chuyển từ tạm ứng thành thanh toán khối lượng hoàn thành).

6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này: là số tiền mà chủ đầu tư đề nghị Kho bạc Nhà nước thanh toán cho nhà thầu theo điều khoản thanh toán của hợp đồng đã ký kết (sau khi trừ số tiền thu hồi tạm ứng tại khoản 5). Trong đó gồm tạm ứng (nếu có) và thanh toán khối lượng hoàn thành.

*(Lưu ý: Giá trị đề nghị thanh toán lũy kế trong năm kế hoạch đến cuối kỳ này không được vượt kế hoạch vốn đã bố trí cho gói thầu hoặc dự án trong năm kế hoạch)*

7. Lũy kế giá trị thanh toán: gồm 2 phần:

- Tạm ứng: là số tiền mà chủ đầu tư đã tạm ứng cho nhà thầu theo điều khoản của hợp đồng chưa được thu hồi đến hết kỳ trước (khoản 2) trừ thu hồi tạm ứng (khoản 5) cộng phần tạm ứng (nếu có) của khoản 6.

- Thanh toán khối lượng hoàn thành: là số tiền đã thanh toán khối lượng XDCB hoàn thành đến hết kỳ trước (khoản 3) cộng với thu hồi tạm ứng (khoản 5), cộng phần thanh toán giá trị khối lượng XDCB hoàn thành kỳ này (khoản 6).

8. Khi lập Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành:

a) Trường hợp lựa chọn ô *“Theo hợp đồng ban đầu”*, không phải kê khai cột 5 (Khối lượng phát sinh so với hợp đồng ban đầu) và cột 12 (Phát sinh so với hợp đồng ban đầu). Tại dòng chỉ tiêu số 1 kê khai “Giá trị hợp đồng”.

b) Trường hợp lựa chọn ô *“Ngoài hợp đồng ban đầu”*, không phải kê khai cột 4 (Khối lượng theo hợp đồng ban đầu) và cột 11 (Phát sinh so với hợp đồng ban đầu). Tại dòng chỉ tiêu số 1 kê khai “Tổng giá trị khối lượng phát sinh so với hợp đồng ban đầu”.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | | **Mẫu số 11** Mã hiệu: …………..... Số: …………………... |
| **Chủ đầu tư:……..** Số: …………. **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** | |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ**

Kính gửi: Kho bạc Nhà nước ………………………….

Tên dự án, công trình: ………………………………… Mã dự án đầu tư: …………………………….

Chủ đầu tư/Ban QLDA………………………………… mã số ĐVSDNS: ……………………………..

Số tài khoản của chủ đầu tư: - Vốn trong nước…………..…………….tại: …………………………..

- Vốn ngoài nước…………………………tại …………………………..

Căn cứ hợp đồng số: ……………………. ngày.... tháng .... năm……. Phụ lục bổ sung hợp đồng số...ngày...tháng...năm...

Căn cứ bảng xác định giá trị KLHT đề nghị thanh toán số...ngày....tháng….năm (kèm theo Biên bản nghiệm thu KLHT)

Lũy kế giá trị khối lượng nghiệm thu của hạng mục đề nghị thanh toán: ……………………. đồng.

Số dư tạm ứng của hạng mục đề nghị thanh toán ……………………. đồng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Số tiền đề nghị: | Tạm ứng | Thanh toán | Theo bảng dưới đây (khung nào không sử dụng thì gạch chéo) |

Thuộc nguồn vốn: (đầu tư nguồn NSNN; CTMT,………….)…………………………………………..

Thuộc kế hoạch vốn:………………………………. Năm...

*Đơn vị: đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Dự toán được duyệt hoặc giá trị trúng thầu hoặc giá trị hợp đồng** | **Lũy kế số vốn đã thanh toán từ khởi công đến cuối kỳ trước (gồm cả tạm ứng)** | | **Số đề nghị tạm ứng, thanh toán khối lượng hoàn thành kỳ này (gồm cả thu hồi tạm ứng)** | |
| **Vốn TN** | **Vốn NN** | **Vốn TN** | **Vốn NN** |
| Ghi tên công việc, hạng mục hoặc hợp đồng đề nghị thanh toán hoặc tạm ứng |  |  |  |  |  |
| **Cộng tổng** |  |  |  |  |  |

Tổng số tiền đề nghị tạm ứng, thanh toán bằng số:……………………………………………………

Bằng chữ:……………………………………………………………………………………………………

Trong đó:

- Thanh toán để thu hồi tạm ứng (bằng số):…………………………………………………………….

+ Vốn trong nước ………………………………………………………………………………………….

+ Vốn ngoài nước ………………………………………………………………………………………….

- Thuế giá trị gia tăng

- Chuyển tiền bảo hành (bằng số)

- Số trả đơn vị thụ hưởng (bằng số) ……………………………………………………………………..

+ Vốn trong nước ………………………………………………………………………………………….

+ Vốn ngoài nước ………………………………………………………………………………………….

Tên đơn vị thụ hưởng ……………………………………………………………………………………..

Số tài khoản đơn vị thụ hưởng………………………………………. tại ………………………………..

|  |  |
| --- | --- |
| **KẾ TOÁN** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *Ngày….tháng….năm….* **CHỦ ĐẦU TƯ/BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN CHUYÊN NGÀNH/ BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN KHU VỰC** *(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)* |

**PHẦN GHI CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC**

Ngày nhận giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư ………………………………….

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Kho bạc nhà nước chấp nhận | Tạm ứng | Thanh toán | Theo nội dung sau: |

*(Khung nào không sử dụng thì gạch chéo)*

*Đơn vị: đồng/USD...*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Tổng số** | **Vốn trong nước** | **Vốn ngoài nước** |
| **Số vốn chấp nhận**  - Mục..., tiểu mục  - Mục..., tiểu mục  - Mục..., tiểu mục  - Mục..., tiểu mục  Trong đó:  - Số thu hồi tạm ứng  Các năm trước  Năm nay  - Thuế giá trị gia tăng  - ……………………………….  - Số trả đơn vị thụ hưởng  *Bằng chữ:* |  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  | | |
| **Số từ chối:** |  |  |  |
| *Lý do:* | | | |

***Ghi chú:*** ……………………………………………………………………………………………………..

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chuyên viên kiểm soát chi/Giao dịch viên** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Trưởng phòng** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **Giám đốc KBNN** *(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)* |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Mẫu số 12** Mã hiệu: …………..... Số: …………………... |

**BẢNG KÊ XÁC NHẬN GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ ĐÃ THỰC HIỆN**

*Đơn vị: Đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư** | | **Số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã chi trả cho đơn vị thụ hưởng theo phương án được duyệt** | | | **Ghi chú** |
| **Số ngày, tháng, năm** | **Số tiền** | **Tổng số** | **Trong đó mua nhà phục vụ di dân giải phóng mặt bằng** | |
| **Số, ngày, tháng hợp đồng bàn giao nhà** | **Giá trị Biên bản nghiệm thu bàn giao nhà** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| I. | Thanh toán cho các cơ quan, tổ chức |  |  |  |  |  |  |
|  | 1 …… |  |  |  |  |  |  |
|  | 2 …… |  |  |  |  |  |  |
| II. | Thanh toán trực tiếp cho hộ dân |  |  |  |  |  |  |
|  | 1 …… |  |  |  |  |  |  |
|  | 2 …… |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **CHỦ ĐẦU TƯ** *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)* | *Ngày……tháng……năm……* **TỔ CHỨC BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ** *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)* |

***Ghi chú:*** Hướng dẫn phương pháp lập Bảng kê xác nhận giá trị khối lượng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện

1. Về phương pháp ghi chép:

Bảng kê xác nhận giá trị khối lượng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã thực hiện được lập cho từng dự án. Trường hợp một dự án có nhiều phương án bồi thường được duyệt thì số tiền tạm ứng từ KBNN được thanh toán, chi trả cho các đối tượng thụ hưởng, người dân của các phương án nhưng phải thuộc cùng một dự án; cột chỉ tiêu số 2 (nội dung) yêu cầu phải ghi đầy đủ tên cơ quan, tổ chức, hộ dân đã nhận tiền bồi thường, số tiền đã nhận theo đúng phương án, dự toán bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Về chữ ký của các thành phần tham gia:

Đối với trường hợp bồi thường, hỗ trợ và tái định cư nếu việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do chủ đầu tư trực tiếp chi trả (không thông qua tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư) thì phần chữ ký chỉ yêu cầu chữ ký của chủ đầu tư không yêu cầu chữ ký của tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Đối với trường hợp công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thực hiện thì phần chữ ký, đóng dấu gồm: chủ đầu tư và tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHỦ ĐẦU TƯ/BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN…** Số:…………….. |  | **Mẫu số 13** Mã hiệu: …………..... Số: …………………... |

**BẢNG PHÂN BỔ CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN HOÀN TẠM ỨNG CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN**

***(Từ tháng….. đến tháng….. năm……)***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Dự án** | **Số kinh phí QLDA còn lại chưa phân bổ kỳ trước chuyển sang** | **Số kinh phí QLDA trích chuyển vào TKTG trong năm báo cáo** | | **Phân bổ chi phí QLDA** | | | **Số kinh phí QLDA còn lại cuối kỳ chưa phân bổ** |
| **Tổng số** | **Trong đó: Trong kỳ báo cáo** | **Lũy kế số đã phân bổ cho dự án đến cuối kỳ trước** | **Trong năm báo cáo** | |
| **Tổng số** | **Trong đó: Giá trị đề nghị phân bổ kỳ này** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9=3+5-8 |
|  | **Tổng số:** |  |  |  |  |  |  |  |
| 1 | Dự án A |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Dự án B |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ….. |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Lập biểu** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | *……, ngày…..tháng…..năm…..* **Chủ đầu tư/Ban Quản lý dự án** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:* Hướng dẫn phương pháp lập Bảng phân bổ chi phí QLDA đề nghị thanh toán hoàn tạm ứng chi phí QLDA**

1. Cột (2): Ghi đầy đủ tên các dự án đã được trích chuyển kinh phí QLDA vào TKTG mà chưa được phân bổ để hoàn ứng hết số đã trích vào TKTG.

2. Số liệu tại cột (3) của bảng phân bổ kỳ này phải khớp đúng với số liệu tại cột (9) của bảng phân bổ chi phí QLDA của kỳ báo cáo trước.

3. Số liệu tại cột (4) là số kinh phí QLDA đã trích chuyển vào TKTG, bao gồm cả số đã trích chuyển kinh phí QLDA trong kỳ báo cáo tại cột (5).

4. Cột (7): Ghi lũy kế số chi phí QLDA phân bổ trong năm báo cáo, bao gồm cả số đề nghị phân bổ chi phí QLDA kỳ này ở cột (8).

5. Tổng số chi phí QLDA phân bổ cho từng dự án không được vượt quá tổng số kinh phí QLDA đã trích chuyển vào TKTG của dự án đó.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Không ghi vào khu vực này | |  | | **Mẫu số 16b1 Ký hiệu: C3-01/NS** | |
|  | | **GIẤY RÚT VỐN ĐẦU TƯ** | | **Năm NS:** | |
|  | Thực chi □ Tạm ứng □  Ứng trước đủ điều kiện thanh toán  Ứng trước chưa đủ điều kiện thanh toán | | Chuyển khoản □  Tiền mặt tại KB □  Tiền mặt tại NH □ | |  |

Tên dự án:..………………………………………………………………………………………………….

Chủ đầu tư:…………………………………………………………Mã ĐVQHNS:……………………….

Tài khoản: ………………………………………….. Tại KBNN: …………………………………………

Tên CTMT, DA:……………………………………………………………………………………………..

…………………………Mã CTMT, DA:…………………………. Số CKC, HĐK:………………………

Số CKC, HĐTH………... Căn cứ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư số: ………….. ngày …/…/...

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | | **Mã NDKT** | | **Mã chương** | **Mã ngành KT** | | **Mã nguồn NSNN** | **Năm KHV** | **Tổng số tiền** | | | | **Chia ra** | |
| **Nộp thuế** | **Thanh toán cho ĐV hưởng** |
| (1) | | (2) | | (3) | (4) | | (5) | (6) | (7)=(8)+(9) | | | | (8) | (9) |
|  | |  | |  |  | |  |  |  | | | |  |  |
|  | |  | |  |  | |  |  |  | | | |  |  |
|  | |  | |  |  | |  |  |  | | | |  |  |
| **Tổng cộng:** | | | | | | | | |  | | | |  |  |
| Tổng số tiền ghi bằng chữ: ……………………………………………..  Trong đó:  **NỘP THUẾ:**  Tên đơn vị (Người nộp thuế): ……………………………………………  Mã số thuế:……………… Mã NDKT:…………. Mã chương:…………  Cơ quan quản lý thu: ………………………. Kỳ thuế: ……………………  KBNN hạch toán khoản thu: ……………………………………………..  Tổng số tiền nộp thuế (*ghi bằng chữ*): ………………………………….  ……………………………………………………………………………….  **THANH TOÁN CHO ĐƠN VỊ HƯỞNG**  Đơn vị nhận tiền: ………………………………………………………….  Địa chỉ: ……………………………………………………………………..  Tài khoản: ………………………… Mã CTMT, DA và HTCT: ………….  Tại KBNN (NH): ……………………………………………………………  Hoặc người nhận tiền: ……………………………………………………  CMND số:…………………. Cấp ngày:…………. Nơi cấp: ……………  Tổng số tiền thanh toán cho đơn vị hưởng (*ghi bằng chữ*): ………….  ………………………………………………………………………………. | | | | | | | | | | |  | | | |
| **PHẦN KBNN GHI** | | | |
| **1. Nộp thuế:**  Nợ TK: …………………….  Có TK: ……………………..  Nợ TK: …………………….  Có TK: ……………………..  Nợ TK: …………………….  Có TK: ……………………..  Mã CQ thu: ……………….  Mã ĐBHC: …………………  **2. Trả đơn vị hưởng:**  Nợ TK: …………………….  Có TK: ……………………..  Nợ TK: …………………….  Có TK: ……………………..  Nợ TK: …………………….  Có TK: ……………………..  Mã ĐBHC: ………………… | | | |
| *Ngày….tháng….năm….* | | | *Ngày….tháng….năm….* | | | | | | | | | | | |
| **Người lĩnh tiền mặt** *(Ký, ghi họ tên)* | | | **Kế toán trưởng** *(Ký, ghi họ tên)* | | | | | | | **Thủ trưởng đơn vị** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)* | | | | |
| **KHO BẠC NHÀ NƯỚC**  *Ngày…..tháng…..năm…..* | | | | | | | | | | | | | | |
| **Thủ quỹ** | **Kế toán** | | | | | **Kế toán trưởng** | | | | | | **Giám đốc** | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Không ghi vào khu vực này |  | **Mẫu số 16b2 Ký hiệu: C3-06/NS** |

**BỘ NGOẠI GIAO**

**GIẤY RÚT VỐN ĐẦU TƯ KIÊM THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Dùng trong trường hợp chi từ tài khoản tạm giữ ngoại tệ)

Thực chi □ Tạm ứng □

Ứng trước đủ đk thanh toán □ Ứng trước chưa đủ đk thanh toán □

Tên dự án: ………………………………………………………………………………………………….

Chủ đầu tư: …………………………………………………………………………………………………

Tài khoản:……………………………………………………………………. tại Sở giao dịch KBNN.

Tên CTMT, DA: …………………………………………………………………………………………….

……………………………………...... Mã CTMT, DA: ……………………………………………………

Căn cứ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư số:…………………………………….. ngày …./…./….

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | | **Mã NDKT** | | **Mã chương** | **Mã ngành KT** | | **Mã nguồn NSNN** | | **Năm KHV** | | **Loại ngoại tệ** | **Tỷ giá** | | | **Số tiền** | |
| **Nguyên tệ** | **Quy ra VNĐ** |
| (1) | | (2) | | (3) | (4) | | (5) | | (6) | | (7) | (8) | | | (9) | (10) |
|  | |  | |  |  | |  | |  | |  |  | | |  |  |
|  | |  | |  |  | |  | |  | |  |  | | |  |  |
|  | |  | |  |  | |  | |  | |  |  | | |  |  |
| **Tổng cộng:** | | | | | | | | | | | | | | |  |  |
| Đồng thời ghi thu NSNN chi tiết như sau: | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Cơ quan quản lý khoản thu:…………………………………………………..  Mã chương:…………..Mã số thuế:…………….Kỳ nộp phí, lệ phí:………. | | | | | | | | | | | | | | **PHẦN KBNN GHI** | | |
| Nợ TK:…………………  Có TK:…………………  Nợ TK:…………………  Có TK:…………………  Nợ TK:…………………  Có TK:…………………  Mã ĐBHC: ……………  Mã CQT: …………….. | | |
| **Nội dung** | **Mã NDKT** | | **Loại ngoại tệ** | | | **Tỷ giá** | | **Số tiền** | | | | |  |
| **Nguyên tệ** | | **Quy ra VNĐ** | | |
| (1) | (2) | | (3) | | | (4) | | (5) | | (6) | | |
|  |  | |  | | |  | |  | |  | | |
|  |  | |  | | |  | |  | |  | | |
| **Tổng cộng:** | | |  | | |  | |  | |  | | |

Tổng số tiền nguyên tệ ghi bằng chữ:…………………………………………………………………….

Tổng số tiền VNĐ ghi bằng chữ:…………………………………………………………………………..

………………………………………………………………………………………………………………..

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **KHO BẠC NHÀ NƯỚC** *Ngày…..tháng…..năm…..* | | | **BỘ NGOẠI GIAO** *Ngày…..tháng…..năm…..* | |
| **Kế toán** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** | **Kế toán trưởng** *(Ký, ghi họ tên)* | **Thủ trưởng đơn vị** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Không ghi vào khu vực này |  | **Mẫu số 16c1 Ký hiệu: C4-02a/KB** |

**ỦY NHIỆM CHI**

|  |  |
| --- | --- |
| Chuyển khoản □  Tiền mặt tại KH □ | Tiền mặt tại KB □ |

Lập ngày…..tháng…..năm…..

**Đơn vị trả tiền:** ……………………………………………………………………………………………..

Địa chỉ: ………………………………………………………………………………………………………

Tại Kho bạc Nhà nước: …………………………………………………………………………………….

Tài khoản: …………………………………………………………………………………………………..

Mã nhà tài trợ: ………………………………………………………………………………………………

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung thanh toán** | **Mã nguồn NS** | **Niên độ NS** | **Số tiền** |
| (1) | (2) | (3) | (4) |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | | |  |

Tổng số tiền ghi bằng chữ: ……………………………………………………………………………….

Đơn vị nhận tiền: ………………………………………………………………………………………….

Địa chỉ: ………………………………………………………………………………………………………

Tài khoản: …………………………………………………………………………………………………..

Tại Kho bạc Nhà nước (NH): ……………………………………………………………………………..

Hoặc người nhận tiền: …………………………………………………………………………………….

Số CMND:………………………………. Cấp ngày:…………………. Nơi cấp:……………………….

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **KHO BẠC NHÀ NƯỚC** *Ngày....tháng….năm….* | | | | *Ngày….tháng….năm….* | **ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN** *Ngày….tháng….năm....* | |
| **Thủ quỹ** | **Kế toán** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** | **Người nhận tiền** *(Ký, ghi họ tên)* | **Kế toán trưởng** *(Ký, ghi họ tên)* | **Chủ tài khoản** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)* |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Không ghi vào khu vực này | **ỦY NHIỆM CHI (ngoại tệ)** | | | **Mẫu số 16c2 Ký hiệu: C4-02b/KB** |
|  | Chuyển khoản | |  |  |
|  |  | Tiền mặt tại ngân hàng □ | |  |

Lập ngày…..tháng…..năm…..

**Đơn vị trả tiền:** …………………………………………………………………………………………….

Địa chỉ: ……………………………………………………………………………………………………….

Tại Kho bạc Nhà nước: ……………………………………………………………………………………

Tài khoản: …………………………………………………………………………………………………..

Mã nhà tài trợ:………………………………………………………………………………………………

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung thanh toán** | **Mã nguồn NSNN** | **Niên độ NS** | **Số tiền** | | |
| **Nguyên tệ** | | **VND** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | | (5) |
|  |  |  |  | |  |
|  |  |  |  | |  |
| **Tổng cộng:** | | |  | |  |
| Tổng số tiền nguyên tệ ghi bằng chữ:………………………………….  ………………………………………………………………………………  Tổng số tiền VNĐ ghi bằng chữ:………………………………………..  ……………………………………………………………………………… | | | |  | |
| **KBNN A GHI:**  Nợ TK: ……………………..  Có TK: …………………….. | |

Đơn vị nhận tiền: …………………………………………………………

Địa chỉ: ………………………………………………………………………………………………………

Tài khoản: …………………………………….. Tại Kho bạc Nhà nước (NH):………………………….

Hoặc người nhận tiền: …………………………………………………………………………………….

Số CMND: ……………………………….. Cấp ngày:……………………….. Nơi cấp:………………..

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **KHO BẠC NHÀ NƯỚC** *Ngày....tháng….năm….* | | | | *Ngày….tháng….năm….* | **ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN** *Ngày….tháng….năm....* | |
| **Thủ quỹ** | **Kế toán** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** | **Người nhận tiền** *(Ký, ghi họ tên)* | **Kế toán trưởng** *(Ký, ghi họ tên)* | **Chủ tài khoản** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)* |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Không ghi vào khu vực này | **ỦY NHIỆM CHI**  Lập ngày….tháng….năm…. | **Mẫu số 16c3 Ký hiệu: C4-02c/KB** |

**Đơn vị trả tiền:** ……………………………………………………………………………………………

Địa chỉ: ……………………………………………………………………………………………………..

Tại Kho bạc Nhà nước:……………………………………………………………………………………

Tài khoản:……………………………………………………………………………………………………

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung thanh toán** | **Mã nguồn NSNN** | **Niên độ NS** | **Tổng số tiền** | **Chia ra** | |
| **Nộp thuế** | **TT cho ĐV hưởng** |
| (1) | (2) | (3) | (4) = (5) + (6) | (5) | (6) |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **Tổng cộng:** | | |  |  |  |
| Tổng số tiền ghi bằng chữ: ……………………………………………..  ………………………………………………………………………………  **Trong đó:**  **NỘP THUẾ:**  Tên đơn vị (Người nộp thuế): ……………………………………………  Mã số thuế:……………… Mã NDKT:…………. Mã chương:…………  Số Tờ khai/Quyết định/Thông báo:………………………………………  Kỳ thuế/Ngày Tờ khai/Quyết định/Thông báo:…………………………  Cơ quan quản lý thu:………………………………………………………  KBNN hạch toán khoản thu: ……………………………………………..  Tổng số tiền nộp thuế (ghi bằng chữ): ………………………………….  ……………………………………………………………………………….  **THANH TOÁN CHO ĐƠN VỊ HƯỞNG** | | | |  | |
| **KBNN A GHI**  **1. Nộp thuế:**  Nợ TK: …………………….  Có TK: ……………………..  Nợ TK: …………………….  Có TK: ……………………..  Mã CQ thu: ……………….  Mã ĐBHC: …………………  **2. Thanh toán cho ĐV hưởng:**  Nợ TK: …………………….  Có TK: …………………….. | |
| Đơn vị nhận tiền: ……………………………………………………………………………………………  Địa chỉ: ……………………………………………………………………………………………………….  Tài khoản:……………………………………… Tại Kho bạc Nhà nước (NH): ………………………..  Tổng số tiền thanh toán cho đơn vị hưởng (ghi bằng chữ): …………………………………………..  ……………………………………………………………………………………………………………….. | | | | | |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **KHO BẠC NHÀ NƯỚC** *Ngày…..tháng…..năm…..* | | | **ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN** *Ngày…..tháng…..năm…..* | |
| **Kế toán** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** | **Kế toán trưởng** *(Ký, ghi họ tên)* | **Chủ tài khoản** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Không ghi vào khu vực này | **ỦY NHIỆM CHI**  (Dùng trong trường hợp chủ dự án đề nghị trích tài khoản ngoại tệ thanh toán cho nhà cung cấp bằng loại tiền khác) | | **Mẫu số 16c4 Ký hiệu: C4-02d/KB** |
|  | | | |
|  | Chuyển khoản □ | Tiền mặt tại KB □  Tiền mặt tại NH □ |  |

Lập ngày….tháng….năm….

**Đơn vị trả tiền:** …………………………………………………………………………………………….

Địa chỉ: ………………………………………………………………………………………………………

Tài khoản: …………………………………………………………………………………………………..

Tại Kho bạc Nhà nước:…………………………………………………………………………………….

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung thanh toán** | **Số tiền** |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
| **Tổng cộng** |  |

Tổng số tiền đề nghị thanh toán ghi bằng chữ:………………………………………………………….

Đơn vị nhận tiền: ……………………………………………………………………………………………

Địa chỉ: ………………………………………………………………………………………………………

Tài khoản: …………………………………………………………………………………………………..

Tại Kho bạc Nhà nước (NH): ……………………………………………………………………………..

Hoặc người nhận tiền: …………………………………………………………………………………….

Số CMND:……………………………….. Cấp ngày:…………………… Nơi cấp: …………………….

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *Ngày…..tháng…..năm….* **Người nhận tiền** *(Ký, ghi rõ họ tên)* | **ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN** *Ngày….tháng….năm….* | |
| **Kế toán trưởng** *(Ký, ghi họ tên)* | **Chủ tài khoản** *(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)* |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **PHẦN KBNN GHI:**  Tỷ giá:……………………...Số tiền theo nguyên tệ:………………………  Số tiền nguyên tệ bằng chữ:………………………………………………..  …………………………………………………………………………………. | | | **KBNN A GHI:**  Nợ TK: ………………….  Có TK: …………………. |
| *Ngày….tháng….năm….* | | | |
| **Kế toán** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** | |